

Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật

TRƯƠNG HỒNG QUANG (2014). *Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật*.

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Hoài Phúc giới thiệu

Thế giới hiện nay đã ghi nhận những quan niệm mới về giới, bình đẳng giới, hôn nhân, gia đình. Đồng tính, song tính và chuyển giới (*LGBT* - viết tắt của các từ: *Lesbian* - đồng tính nữ, *Gay* - đồng tính nam, *Bisexual* - song tính, *Transgender* - chuyển giới) là những xu hướng tính dục, bản dạng giới tự nhiên của loài người (chiếm số ít) bên cạnh xu hướng dị tính (phổ biến). Quyền của người *LGBT* thuộc nhóm quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương. Quá trình ghi nhận, bảo vệ quyền của người *LGBT* thường phải trải qua thời gian rất dài, thậm chí có sự tranh luận về mặt chính trị, văn hóa, xã hội. Về cơ bản, pháp luật Việt Nam bảo đảm hầu hết các quyền cho nhóm đối tượng yếu thế này.

Cuốn sách cung cấp tổng quan về cộng đồng *LGBT* nói chung, ở Việt Nam nói riêng và nhu cầu của họ, đồng thời gợi mở cho những thảo luận dưới góc độ pháp lý sâu hơn về vấn đề này trong thời gian tới.

1. Một số vấn đề chung về đồng tính, song tính và chuyển giới

Từ trước tới nay, có nhiều người cho rằng đồng tính (homosexuality), song tính là “giới tính thứ ba” bên cạnh hai giới tính là nam và nữ. Tuy nhiên, theo tác giả, quan niệm này là hoàn toàn sai lầm. Thực chất trong xã hội chỉ có hai giới tính là nam và nữ, còn vấn đề đồng tính hay song tính lại liên quan đến một khái niệm khác là *xu hướng tính dục*. Trên thực tế có 5 xu hướng tính dục chính, bao gồm: Xu hướng tính dục khác giới - *dị tính*, bị hấp dẫn về mặt tình cảm và tình dục với người khác giới tính; Xu hướng tính dục cùng giới - *đồng tính*, bị hấp dẫn về tình cảm và tình dục với người cùng giới tính; Xu hướng *song tính*, cho rằng mình mang giới tính khác với giới tính sinh học của bản thân và bị hấp dẫn với cả hai giới tính nam và nữ; Xu hướng *toàn tính*, bị hấp dẫn bởi bất kỳ giới tính nào; Xu hướng *vô tính*, không bị hấp dẫn với bất cứ giới tính nào. Với cách phân loại này thì đồng tính và

song tính là hai trong số 5 xu hướng tính dục của loài người, không liên quan đến vấn đề giới tính.

Không phải lúc nào xu hướng tính dục của mỗi người cũng được biểu lộ ra bên ngoài để người khác có thể nhận thấy, thậm chí nhiều khi nó còn bị giấu kín. Đây là điều phổ biến đối với các xu hướng tính dục đồng tính và song tính. Ngay cả việc xu hướng đó đã phát triển như thế nào ở một cá thể cũng chưa chắc đã được chính bản thân họ hiểu rõ, và sự hình thành, phát triển ở mỗi người là khác nhau. Nhiều người phải đến khi trưởng thành mới nhận dạng đầy đủ xu hướng tính dục của mình. Tuy nhiên, theo ghi nhận của tác giả, nhiều nhà khoa học cho rằng nó đã hình thành từ rất sớm ở hầu hết mọi người ngay từ khi còn nhỏ do những tác động qua lại phức tạp của các yếu tố sinh học (yếu tố chính và cơ bản), tâm lý và đời sống xã hội. Một số người đã cố gắng trong nhiều năm để thay đổi xu hướng tính dục từ đồng tính sang dị tính nhưng không thành công. Do đó, các nhà tâm lý không coi xu hướng tính dục là sự lựa chọn có ý thức mà người ta có thể tùy ý thay đổi được, và đó là bản chất tự nhiên, vốn có của mỗi con người từ khi sinh ra. Đồng tính, song tính không phải là sự rối loạn tâm thần, mà là một hiện tượng bình thường trong tự nhiên. Những người có xu hướng tính dục trên hoàn toàn không phải do sự lựa chọn chủ quan của họ.

Khác với người đồng tính hay song tính, việc hiểu về người chuyển giới, theo tác giả, phải đề cập đến khái niệm bản dạng giới (SOGI). Bản dạng giới được hiểu là việc một người tự nhận mình mang một giới tính nào (có thể giống hoặc khác với giới tính sinh học

khi được sinh ra). Tác giả cho rằng, hiểu một cách khái quát thì nếu một người sinh ra và tự nhận mình mang giới tính giống với giới tính sinh học khi được sinh ra, có tình cảm, cảm xúc với người cùng giới tính với mình được gọi là người đồng tính. Nếu người này có tình cảm với người khác giới tính với mình được gọi là người dị tính. Tuy nhiên, nếu người này tự nhận mình mang giới tính khác với giới tính sinh học khi được sinh ra thì đó là người chuyển giới, kể cả khi người đó không nhất thiết phải trải qua phẫu thuật chuyển giới.

Những người LGBT phải đối mặt với rất nhiều vấn đề trong cuộc sống. *Thứ nhất* là vấn đề thay đổi xu hướng tính dục, bản dạng giới. Một số người do hiểu biết nhầm lẫn về người đồng tính nên cho rằng có thể thay đổi được xu hướng tính dục này bằng các biện pháp y học, dược học. Một số khác lại cho rằng nguyên nhân của hiện tượng đồng tính là do các tác động về mặt tâm lý, tinh thần nên đã tìm mọi cách thuyết phục, ép buộc người đồng tính kết hôn với người khác giới để thay đổi tình trạng trên. Thực tế đây là những quan điểm sai lầm, bởi về bản chất người đồng tính là những người bình thường về mặt tâm, sinh lý. Với người chuyển giới, bản dạng giới của họ là tự nhiên, không thay đổi được. *Thứ hai* là sự kỳ thị. Với người đồng tính (và cả đối với người song tính khi thể hiện xu hướng đồng tính), họ phải đối mặt với hội chứng *ghê sợ đồng tính luyến ái* (homophobia). Đây là thái độ ghê sợ, định kiến, phân biệt đối xử của xã hội đối với nhóm người đồng tính, cả trong công việc lẫn các hoạt động xã hội. Hoặc bản thân người đồng tính tự ghê sợ chính mình. Nỗi sợ hãi, lo lắng trên khiến họ thường xuyên cảm thấy bị

tổn thương, mặc cảm, tự ti và cô lập, dẫn đến việc sử dụng các chất kích thích, quan hệ tình dục bừa bãi, nguy hiểm hơn là có thể dẫn đến việc tự tử. *Thứ ba* là vấn đề công khai xu hướng tính dục và bản dạng giới. Đây là mong muốn chính đáng của người LGBT, tuy nhiên đứng trước những định kiến của xã hội, việc công khai xu hướng tính dục và bản dạng giới của người LGBT gặp rất nhiều khó khăn. Công khai là một thử thách lớn đối với người đồng tính. Việc người đồng tính yêu người cùng giới thường chỉ được biết đến khi họ công khai, “chia sẻ” với người khác. Khi sống đúng với xu hướng tính dục của mình, đa phần người đồng tính vẫn có một vẻ ngoài bình thường. Còn đối với người chuyển giới, họ thường thể hiện bản dạng giới một cách khá mạnh mẽ. Nhiều khi người chuyển giới không cần phải “thổ lộ” hay công khai, mà chỉ cần qua cách ăn mặc, cử chỉ của họ cũng có thể nhận ra họ là người chuyển giới. Khi sống đúng với bản dạng giới của mình, người chuyển giới lại thường cải trang, thay đổi diện mạo bên ngoài nên dễ bị soi mói, kỳ thị, xa lánh.

2. Cơ sở lý luận về quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và pháp luật quốc tế về cộng đồng này

Theo tác giả, quyền của người LGBT có bản chất là quyền tự nhiên của con người.

Trước hết, về sự công bằng trong quyền được sống và quyền được tự do. Người LGBT là người bình thường như mọi cá nhân khác trong xã hội, có khả năng thực hiện các nghĩa vụ và được quyền hưởng các quyền bình đẳng, ngang bằng như những người khác. Một trong những quyền quan trọng nhất là quyền được công nhận và tôn trọng.

Công khai xu hướng tính dục, bản dạng giới là quyền của cộng đồng LGBT. Xã hội cần nhìn nhận người LGBT như người bình thường với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, không được phép miệt thị, xúc phạm hoặc coi họ như những bệnh nhân lệch lạc về tâm thần.

Thứ hai, về quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó là một dạng thể hiện của sự tự do, con người bằng khả năng của mình có quyền tìm kiếm hạnh phúc, các giá trị sống cho bản thân. Đây là điều hiển nhiên trong mọi chế độ chính trị xã hội. Một trong các giá trị sống đó được tạo dựng từ việc kết hôn, xây dựng gia đình hạnh phúc và được nhà nước tôn trọng, bảo vệ quan hệ hôn nhân ấy. Với người LGBT, kết hôn là điều rất khó. Ví dụ như với người đồng tính, trên thế giới hiện nay có các hình thức thừa nhận việc chung sống hợp pháp của người đồng tính như: cho phép kết hôn giống những cặp dị tính, công nhận dưới hình thức kết hợp dân sự như đối tác chung nhà, hình thức hợp danh, v.v... Về mặt pháp lý, họ được xem giống như một cặp vợ chồng nhưng thực tế lại bị hạn chế hơn những cặp vợ chồng dị tính khác ở sự thụ hưởng các chính sách về miễn giảm thuế chung cho vợ chồng, các chế độ an sinh xã hội, bảo hiểm, trợ cấp, quyền nhận nuôi con nuôi, thừa kế... Mặt khác, giá trị pháp lý của giấy chứng nhận kết hợp dân sự (một hình thức thấp hơn hôn nhân bình đẳng) rất hạn chế, không đương nhiên có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc hoặc toàn thế giới.

Quyền con người trong pháp luật là sự cụ thể hóa các quyền tự nhiên của con người vào một cơ chế rõ ràng, minh bạch và được bảo đảm thực hiện bởi quyền lực nhà nước. Thông qua pháp luật, các nghĩa vụ sẽ được tôn trọng và

thực thi, các quyền trở thành quy tắc ứng xử bắt buộc và thống nhất chung cho toàn xã hội. Việc thừa nhận và bảo vệ quyền cho người LGBT - một phạm trù của quyền tự nhiên, chỉ mang tính khả thi khi được pháp luật chính thức hóa. Nhận thức được điều đó, thời gian qua nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã thừa nhận quyền của người LGBT ở những mức độ nhất định.

Trong nhiều thập kỷ qua, Liên Hợp Quốc đã nỗ lực đấu tranh cho những quyền cơ bản của con người nói chung, trong đó có người LGBT. Mặc dù *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948* đã khẳng định quyền con người nói chung, trong đó có quyền của người LGBT, nhưng sự kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực đối với họ vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Theo những số liệu từ Văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên Hợp Quốc, ở 76 nước, pháp luật còn phân biệt đối xử và tội phạm hóa những mối quan hệ cùng giới, người đồng tính còn bị bắt, truy tố và phạt tù.

Từ năm 2011, vấn đề quyền của người LGBT đã được thúc đẩy mạnh mẽ hơn. Tháng 3/2011, 85 nhà nước và vùng lãnh thổ đã cùng ký vào bản Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Sự ủng hộ của các thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc ở khắp nơi đã tạo điều kiện cho sự ra đời một báo cáo chi tiết đầu tiên của Văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên Hợp Quốc vào tháng 11/2011, tổng kết lại vấn đề bạo lực và phân biệt đối xử với người LGBT trên khắp thế giới. Trên cơ sở các bằng chứng cho thấy những hình thức bạo lực và phân biệt đối xử mang tính hệ thống đối với các cá nhân

ở khắp nơi trên thế giới vì xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ, báo cáo đã đưa ra những khuyến nghị đối với các nhà nước nhằm bảo vệ quyền của người LGBT.

Để hệ thống hóa lại những vấn đề đặt ra đối với người LGBT dựa trên báo cáo thực trạng người LGBT, cũng như chỉ ra nghĩa vụ của các nhà nước liên quan đến các luật nhân quyền quốc tế, tháng 6/2011, Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc đã cho xuất bản cuốn cẩm nang “Sinh ra tự do và bình đẳng - Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong Luật nhân quyền quốc tế”. Với quan điểm rằng, muốn bảo vệ cá nhân dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới không nhất thiết phải tạo ra những quyền riêng biệt dành riêng cho người LGBT, mà chỉ cần yêu cầu bảo đảm sự thực thi của các quyền không phân biệt đối xử trong các văn bản luật pháp quốc tế đã có, cuốn cẩm nang nhấn mạnh vào những vi phạm nhân quyền và yêu cầu các nhà nước thực hiện nghĩa vụ của mình liên quan đến vấn đề người LGBT.

Như vậy, theo tác giả, Liên Hợp Quốc đã có những nỗ lực từng bước trong việc chỉ ra những vi phạm nhân quyền đối với người LGBT, cũng như yêu cầu các quốc gia có những hành động cụ thể tuân theo các điều luật nhân quyền quốc tế để chấm dứt các hành vi vi phạm nhân quyền.

Xét từ mọi góc độ, các quốc gia trên thế giới hiện nay vẫn có nhiều quan điểm khác nhau về người đồng tính. Nhiều quốc gia như Na Uy, Australia, Mexico, Hà Lan, Bỉ, Đan Mạch... đã ban hành luật cấm phân biệt đối xử, kỳ thị với người đồng tính. Tuy đã có sự quan tâm và ghi nhận nguyên tắc không

phân biệt đối xử, nhưng thái độ của các quốc gia này về các quyền cụ thể của người đồng tính còn khá khác nhau. Ví dụ đối với quyền kết hôn, có một số ít quốc gia chấp nhận hôn nhân bình đẳng giới cho người đồng tính (thậm chí cho cả người chuyển giới), nhưng hầu hết các nước đều chưa ghi nhận, một số ít khác ghi nhận hình thức kết hợp dân sự. Bên cạnh đó, một số quốc gia không thừa nhận quyền của người đồng tính, và quan hệ tình dục của người đồng tính bị xem như một tội phạm.

Tính đến hết tháng 2/2014, có 17 quốc gia và vùng lãnh thổ đã thừa nhận quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính, bao gồm: Hà Lan (2000), Bỉ (2003), Tây Ban Nha (2005), Canada (2005), Nam Phi (2006), Na Uy (2008), Thụy Điển (2009), Bồ Đào Nha (2010), Iceland (2010), Argentina (2010), Đan Mạch (2012), Uruguay (2013), xứ Wales (2013), Scotland (2014). Bên cạnh đó, có 3 quốc gia chỉ công nhận ở một số bang/tiểu bang/vùng lãnh thổ là: Hoa Kỳ, Brazil, Mexico.

Khi hợp pháp hóa quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính, hầu hết các quốc gia không có đạo luật riêng với tên gọi “Luật hôn nhân cùng giới”, mà chỉ ban hành một đạo luật mới để định nghĩa lại khái niệm hôn nhân, bãi bỏ điều kiện về giới tính của hai bên phối ngẫu, không phân biệt giới tính, xu hướng tính dục và áp dụng cho tất cả mọi người. Hiến pháp của một số quốc gia cũng quy định vấn đề cấm kỳ thị đối với các xu hướng tính dục và bản dạng giới (ví dụ như Hiến pháp Nam Phi). Đối với các quốc gia khác, mặc dù hiến pháp chưa ghi nhận vấn đề cấm phân biệt đối với các xu hướng tính dục nhưng pháp luật cũng vẫn có thể ghi

nhận quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính.

Xu hướng công nhận người chuyển giới trên thế giới thời gian gần đây cũng đã có sự chuyển biến rõ nét. Nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đang đấu tranh cho người chuyển giới được phép đổi lại giấy tờ theo giới tính mong muốn mà không phải trải qua phẫu thuật chuyển đổi giới tính như: Argentina, Hàn Quốc, Canada, Đài Loan... Xu hướng này thể hiện sự phát triển cao nhất trong việc bảo vệ và bảo đảm quyền lợi cho người chuyển giới.

3. Về cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới trong đời sống xã hội, pháp luật của Việt Nam

** Về cộng đồng LGBT ở Việt Nam*

Giống như ở nhiều nước khác trên thế giới, việc tìm hiểu thực trạng của cộng đồng LGBT Việt Nam hiện nay khá khó khăn vì nhiều lý do khác nhau. Trong đó, lý do quan trọng nhất là do họ ít công khai, co cụm trong cộng đồng riêng và pháp luật cũng chưa chính thức công nhận cho họ các quyền bình đẳng như người dị tính. Chưa có cuộc điều tra hay nghiên cứu nào thực hiện được trên quy mô toàn quốc về số lượng, sự phân bố và đặc điểm của người LGBT. Bên cạnh đó, cũng khó tách bạch được người đồng tính và người song tính vì đôi khi người song tính lại thể hiện xu hướng đồng tính là chủ yếu. Vì vậy, người đồng tính ở Việt Nam được tác giả đề cập trong cuốn sách có thể đôi khi bao gồm cả người song tính. Và trên thực tế, xã hội thường nhắc đến đối tượng người đồng tính nhiều hơn so với người song tính.

Theo một báo cáo công bố tại Hội nghị khoa học kỹ thuật do Bệnh viện Da

liều Tp. Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 9/2006, chưa có những số liệu chắc chắn về con số chính xác người đồng tính nam ở Việt Nam, nhưng nếu lấy tỷ lệ trung bình, “an toàn” mà nhiều nhà khoa học thừa nhận là 3% thì số người đồng tính nam tạm tính ở Việt Nam năm 2012 là 2,66 triệu người.

Tương tự như người đồng tính, song tính, người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay cũng khó có thể thống kê được một số lượng cụ thể, đặc biệt khi khái niệm chuyển giới không chỉ khuôn gọn trong nhóm những người đã phẫu thuật, mà còn bao gồm cả những người có cảm nhận rõ ràng về giới tính thực của mình khác với giới tính sinh học.

Việc lộ diện, công khai của người LGBT ở Việt Nam hiện nay ngày càng rõ ràng hơn. Chưa bao giờ hoạt động của người LGBT và số lượng các xuất bản phẩm về họ lại tăng mạnh như thời gian vừa qua. Các diễn đàn dành cho người LGBT cũng gia tăng mạnh mẽ. Tuy nhiên, theo kết quả một khảo sát gần đây, hầu hết những người được hỏi họ có suy nghĩ gì khi người thân của mình “có vấn đề về giới tính” đều có cảm xúc: kinh ngạc, chối bỏ, thất vọng, tức giận, hoảng sợ, mất mát. Khi phát hiện con là LGBT, nhiều cha mẹ thường sốc, thậm chí là hoảng loạn, sau đó có những hành vi thiếu kiểm soát như đánh đập, xích, nhốt, cấm đoán... Nhiều bậc cha mẹ còn đưa con đi tư vấn tâm lý hoặc thậm chí “chữa trị” vì nghĩ con có vấn đề về tâm thần. Nhiều gia đình tìm mọi cách che giấu, không tiết lộ xu hướng tính dục của con với người khác. Chính những định kiến, suy nghĩ khuôn mẫu của người thân, cộng đồng đã khiến không ít người đồng tính rơi vào tuyệt vọng.

Theo một kết quả nghiên cứu năm 2012, sự kỳ thị với người đồng tính ở Việt Nam còn khá phổ biến. Nguyên nhân cơ bản là do hiểu biết về xu hướng tính dục còn hạn chế. Nhiều người đồng tính chia cuộc sống của mình thành hai thế giới riêng biệt. Với cộng đồng của mình thì họ sống thật, có người yêu hoặc bạn tình cùng giới. Với gia đình, đồng nghiệp, bạn bè, họ hoàn toàn bí mật, sống trong vỏ bọc của một người dị tính. Nhiều người đã và muốn lập gia đình với người khác giới để thoát khỏi những sức ép và tạo vỏ bọc dị tính cho mình. Nhiều người trong số họ sau khi lập gia đình vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ đồng tính ở nhiều mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, cũng do sự kỳ thị nên người LGBT Việt Nam gặp khá nhiều khó khăn trong việc tiếp cận y tế. Nhiều nam giới đồng tính hành nghề mại dâm thường rất ngại đi khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiễm HIV trong nhóm mại dâm đồng tính nam tăng nhanh.

** Một số vấn đề về mặt pháp luật*

Liên quan đến vấn đề chuyển đổi giới tính: Đến năm 2014, pháp luật dân sự Việt Nam vẫn cấm việc phẫu thuật chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính. Điều này khiến nhiều người chuyển giới khao khát được sống với giới tính mình mong muốn đã sang các quốc gia khác - những nơi cho phép phẫu thuật chuyển giới (như Thailand, Hong Kong...) để phẫu thuật chuyển giới^(*). Thực tế tại các bệnh

^(*) Tuy nhiên, ngày 24/11/2015 vừa qua, Quốc hội Việt Nam đã chính thức thông qua Bộ luật Dân sự sửa đổi, trong đó quy định về chuyển đổi giới tính và các quyền, nghĩa vụ liên quan. Luật sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 (BBT).

viện Việt Nam thời gian qua cho thấy, nhu cầu chuyển giới là không ít.

Liên quan đến lĩnh vực hôn nhân, gia đình và quan hệ dân sự: Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, người LGBT Việt Nam không phải chịu những quy định hà khắc, phân biệt đối xử như ở nhiều quốc gia trên thế giới, họ được hưởng hầu hết các quyền như người dị tính. Pháp luật Việt Nam không có những quy định cấm hiện tượng đồng tính/song tính, không phạt tù/tử hình người đồng tính/quan hệ đồng tính như pháp luật một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn cấm việc kết hôn giữa những người cùng giới tính.

Nhiều người trong cộng đồng đồng tính ở Việt Nam không đủ niềm tin vào mối quan hệ đồng tính lâu dài do không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Những sức ép từ gia đình, định kiến từ xã hội và sự cấm đoán kết hôn của pháp luật hiện tại khiến người đồng tính gặp nhiều trở ngại. Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ người đồng tính sống công khai, có quan hệ tình cảm với nhau ngày càng tăng.

Tuy không được pháp luật cho phép nhưng nhiều đám cưới đồng tính tự phát đã được tổ chức công khai ở Việt Nam thời gian gần đây. Khi các cặp đôi đồng tính chung sống với nhau, có khá nhiều vấn đề pháp lý liên quan trong cuộc sống chung nằm ngoài khả năng giải quyết của các cặp đôi như sở hữu tài sản, đầu tư chung hoặc sinh con và nuôi con, đặc biệt là các vấn đề phúc lợi và quyền đại diện. Ví dụ về quan hệ tài sản, mặc dù các cặp đôi cùng giới hoàn toàn có thể đứng tên chung khi mua một mảnh đất, một căn nhà, nhưng trong thực tế nhiều cặp đôi tin tưởng nhau hoặc thiếu hiểu biết pháp luật nên chỉ một người đứng tên. Điều này có thể

khiến quên lợi của người còn lại không được đảm bảo. Việc nhận con nuôi chung (không phải con đẻ của hai người) của các cặp đôi đồng tính cũng chưa được pháp luật về nuôi con nuôi cho phép.

Về phía xã hội, cũng có nhiều ý kiến đề xuất không nên cho phép các cặp đôi cùng giới kết hôn và sinh con, nuôi con hay nhận con nuôi chung vì lo ngại đứa trẻ có thể phát triển không bình thường. Tuy nhiên, tác giả khẳng định, người con trong gia đình đồng tính sẽ không vì thế mà trở thành người đồng tính (trừ khi bản chất của người con đó cũng là đồng tính). Bên cạnh khá nhiều ý kiến không đồng tình, có thể thấy tỷ lệ ủng hộ việc bảo vệ quyền cho người đồng tính nói chung và quyền kết hôn của những người đồng giới nói riêng là không nhỏ. Theo một khảo sát online gần đây của Quốc hội, có hơn 90% ý kiến hoàn toàn đồng ý với việc quy định công dân có quyền kết hôn với người cùng giới tính. Tuy nhiên, một số khảo sát trực tiếp khác lại cho thấy quan niệm của xã hội về đồng tính cũng như hôn nhân cùng giới vẫn chưa thay đổi đáng kể. Ví dụ theo kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Xã hội - Kinh tế và Môi trường năm 2012, có 77% người dân Việt Nam được hỏi (ở 4 tỉnh/thành) đồng ý phải bảo vệ quyền của người đồng tính, nhưng chỉ 36,6% trong số đó đồng ý cho các cặp kết hôn cùng giới. Kết quả này trái ngược với kết quả khảo sát online của Quốc hội. Điều này có thể lý giải: do hình thức khảo sát qua các trang mạng không hoàn toàn đúng thực tế, bởi một người có thể bình chọn nhiều lần, trong đó nhiều người đồng tính có thể bình chọn liên tục... Bên cạnh đó, qua các phương tiện truyền thông, báo chí, khá nhiều ý kiến cho rằng nên công nhận

hình thức sống chung có đăng ký trước, để qua đó có thể xem xét, nghiên cứu, đánh giá thêm việc tiến đến công nhận hôn nhân bình đẳng cho nhóm LGBT.

Liên quan đến lĩnh vực tư pháp hình sự: Quan niệm truyền thống về “hành vi giao cấu” đã ảnh hưởng lớn đến việc thi hành các quy định pháp luật hình sự về các hành vi tình dục trái phép giữa những người đồng giới (dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác khiến người đồng giới khác phải quan hệ tình dục trái ý muốn của họ; hoặc dùng mọi thủ đoạn khiến người đồng giới lệ thuộc mình hoặc đang ở trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng quan hệ tình dục; hoặc quan hệ tình dục với người đồng giới chưa đủ 16 tuổi). Bởi vậy, trên thực tế trong số trẻ em bị xâm hại tình dục bởi một nam giới có nhiều trường hợp là bé trai, song cơ quan tố tụng lại không xử lý về tội danh hiếp dâm mà chuyển sang tội “dâm ô với trẻ em” với khung hình phạt không tương xứng.

Bên cạnh đó, quyền của người đồng tính và người chuyển giới trong pháp luật tố tụng hình sự và thi hành án hình sự cũng chưa được đảm bảo. Ví dụ, trong tố tụng hình sự, “khám người” là biện pháp điều tra bằng cách lục soát, tìm tòi trong người, trong quần áo đang mặc hoặc đồ vật mang theo của bị can, người bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, người đang có lệnh truy nã nhằm tìm ra các tài liệu, vật chứng liên quan vụ án. Và theo quy định là nam khám nam, nữ khám nữ,

vậy đối với người đồng tính, người chuyển giới sẽ phải thi hành ra sao?...

Nhu cầu được bảo vệ quyền bình đẳng của người LGBT là một thực tế tại Việt Nam thời gian qua. Trên cơ sở nghiên cứu về cộng đồng LGBT Việt Nam và một số vấn đề liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tác giả đã đề xuất những định hướng chung và một số khuyến nghị cụ thể đối với hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm bảo vệ quyền của người LGBT, liên quan đến: quan hệ sống chung của người đồng tính trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, các quy định pháp luật hành chính, tư pháp hình sự và một số lĩnh vực khác.

* * *

Tác giả cho rằng, đã đến lúc xã hội Việt Nam nên có cái nhìn đầy đủ và đúng đắn hơn cho những thành viên mang xu hướng tính dục, bản dạng giới khác nhau, và cho họ được quyền sống bình thường như bao cá thể khác của cộng đồng loài người. Thực chất, việc chúng ta tìm hiểu, đánh giá về quyền của người LGBT không có nghĩa là muốn cổ vũ cho một trào lưu mới lệch lạc nào đó, mà nên hiểu đây là chúng ta đang xem xét, nhìn nhận một cách khách quan, góp phần làm cho xã hội nhân văn hơn. Tạo ra một xã hội bình đẳng giữa các công dân chính là giá trị nhân văn của pháp luật. Xã hội văn minh nhất là xã hội có một nền pháp luật chan chứa tình người, có cái gốc nhân bản bền vững □